

TUẦN 04**CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN**

Sau chủ đề này, HS:

- Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.
- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.
- Phát triển các phẩm chất:
 - + Có trách nhiệm với bản thân.
 - + Kiên trì, chăm chỉ rèn luyện bản thân.
- Phát triển các năng lực:
 - + Giao tiếp, ứng xử với người thân, bạn bè, thầy cô và mọi người phù hợp với các chuẩn mực xã hội.
 - + Giải quyết các vấn đề trong giao tiếp, ứng xử; trong quá trình thích nghi với những thay đổi của cuộc sống.

TIẾT 1&2 : SINH HOẠT DƯỚI CỜ**DIỄN ĐÀN: GIỚI TRẺ HIỆN NAY VÀ CÁC CHUẨN MỰC GIAO TIẾP, ỨNG XỬ TRONG XÃ HỘI.****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

Sau khi tham gia hoạt động này, HS:

- HS trình bày được một số chuẩn mực giao tiếp, ứng xử trong xã hội.
- Đưa ra được nhận xét về các hành vi giao tiếp, ứng xử của thanh thiếu niên hiện nay sau khi đối chiếu với các chuẩn mực xã hội.

2. Năng lực:**- Năng lực chung:**

- Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học

- Năng lực riêng:

- Rèn luyện được tính tự tin và khả năng tự nhận thức bản thân.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Đối với TPT, BGH và GV:**

- Không gian đủ rộng để tổ chức diễn đàn; tranh ảnh, băng rôn trang trí; ghế ngồi; micro và loa đài;...
- Thành lập BTC diễn đàn gồm: đại diện BGH, TPT, Đội, đại diện Chi Đội trưởng một số lớp hoặc nhóm HS nòng cốt. BTC diễn đàn thống nhất mục tiêu, nội dung, cách tiến hành hoạt động và thời gian, địa điểm tổ chức hoạt động và định hướng một số nội dung có liên quan đến chủ đề của diễn đàn.
- Thành lập Ban cố vấn: có thể mời 1 GVCN, 1 GV dạy môn Giáo dục công dân, 1 GV phụ trách công tác tư vấn tâm lý của trường; người dẫn chương trình (MC).
- Thông báo cho HS về mục tiêu để HS chuẩn bị các ý kiến trình bày, trao đổi trong diễn đàn.
- Tổng hợp những câu hỏi của HS về chủ đề diễn đàn.

- Những trường hợp, tình huống thực tế về giao tiếp, ứng xử tích cực và chưa tích cực của HS THCS ở địa phương.
- Thông điệp về giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả.
- Video về giao tiếp ứng xử.

2. Đối với HS:

- Chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ về giao tiếp, ứng xử tích cực và chưa tích cực.
- Chuẩn bị ý kiến trình bày, trao đổi trong diễn đàn “Giới trẻ hiện nay và các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử trong xã hội”.
- SGK và SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS trước khi diễn ra buổi lễ chào cờ.

b. Nội dung:

- HS ổn định vị trí chỗ ngồi, chuẩn bị chào cờ.

c. Sản phẩm:

- Thái độ HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chủ nhiệm yêu cầu HS của lớp mình chuẩn chỉnh trang phục, ổn định vị trí, chuẩn bị.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chào cờ, sơ kết thi đua tuần và phổ biến nhiệm vụ tuần mới

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được chào cờ là một nghi thức trang trọng thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha anh đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, giúp mỗi học sinh biết đoàn kết để tạo nên sức mạnh, biết chia sẻ để phát triển.

b. Nội dung:

- HS hát quốc ca.
- Tổng phụ trách hoặc BGH nhận xét.

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của HS và Tổng phụ trách.

d. Tổ chức thực hiện:

- HS điều khiển lễ chào cờ.
- Lớp trực tuần nhận xét thi đua.
- TPT hoặc đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.

Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề.

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được một số chuẩn mực giao tiếp, ứng xử trong xã hội.
- Đưa ra được nhận xét về các hành vi giao tiếp, ứng xử của thanh thiếu niên hiện nay sau khi đối chiếu với các chuẩn mực xã hội.

b. Nội dung:

- Chuẩn mực giao tiếp, ứng xử trong xã hội.

c. Sản phẩm:

- Các tiết mục văn nghệ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Ổn định tổ chức, đón tiếp đại biểu (nếu có).
- Văn nghệ chào mừng (nếu có).
- MC giới thiệu Ban Cố vấn.

- Đại diện BTC lên tuyên bố lí do, khai mạc diễn đàn và định hướng nội dung diễn đàn, bao gồm các nội dung chính đã xây dựng trong kế hoạch:

+ *Các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử xã hội và ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử xã hội.*

+ *Thực trạng hành vi giao tiếp, ứng xử của thanh thiếu niên hiện nay đối chiếu với các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử xã hội.*

- MC mời các bạn HS cùng xem video clip về một số hình ảnh giao tiếp, ứng xử của giới trẻ hiện nay.

- MC lần lượt mời các bạn đã đăng kí tham luận lên phát biểu, trao đổi ý kiến về các nội dung trên. Đồng thời động viên các bạn HS khác tham gia ý kiến dù chưa đăng kí trước. Chú ý để các bạn tự do trình bày những suy nghĩ, quan điểm của mình càng nhiều càng tốt.

- HS có thể đưa ra nhận định của mình về những nội dung của diễn đàn. Cũng có thể phát biểu thể hiện sự đồng tình với những ý kiến đã phát biểu trước đó; hoặc tranh luận với những ý kiến của bạn mà bản thân thấy không đồng tình.

- Ban Cố vấn lắng nghe ý kiến, quan điểm của HS và sẵn sàng chia sẻ, giải đáp những băn khoăn, thắc mắc của HS (nếu có).

- Mời Ban Cố vấn tham gia giải đáp những băn khoăn, vướng mắc mà HS đưa ra.

- Kết thúc diễn đàn, đại diện Ban Cố vấn tổng kết các ý kiến của HS và cùng HS đưa ra thông điệp kêu gọi các bạn HS hãy giao tiếp, ứng xử theo các chuẩn mực xã hội.

- MC mời đại diện Ban Cố vấn lên tổng kết các ý kiến của HS và cùng HS đưa ra thông điệp kêu gọi các bạn HS hãy giao tiếp, ứng xử theo các chuẩn mực xã hội.

- Sau hoạt động, GV đặt câu hỏi phát vấn:

+ *Em hãy nêu các hoạt động cần thực hiện trong chủ đề 2?*

- HS trả lời theo cảm nhận của bản thân và sự chuẩn bị của bản thân.

- GV quan sát, theo dõi, hỗ trợ (nếu cần thiết).

- GV định hướng: Giao tiếp, ứng xử là hoạt động tương tác giữa người với người nhằm đạt được một mục đích nào đó. Người có hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực sẽ mở rộng, gắn kết được các mối quan hệ xã hội. Cần thiết phải rèn luyện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực và khắc phục những điểm chưa tích cực trong giao tiếp, ứng xử.

+ Chủ đề 2 giúp chúng ta trải nghiệm qua các nội dung:

-Tìm hiểu điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử

-Nhận diện điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân

-Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân

-Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

-Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi

-Rèn luyện khả năng thích nghi của bản thân

Kết thúc hoạt động

- HS chia sẻ cảm xúc sau khi tham gia hoạt động định hướng.

- Thể hiện giao tiếp, ứng xử tích cực bằng lời nói, việc làm cụ thể.

- GV nhận xét tinh thần chuẩn bị, tham gia hoạt động của HS trước khi bắt đầu chủ đề.

C. HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI

- Yêu cầu HS suy ngẫm về những hành vi giao tiếp, ứng xử của thanh thiếu niên hiện nay

TIẾT 3. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ

NỘI DUNG 1:

NHẬN DIỆN ĐIỂM TÍCH CỰC VÀ CHƯA TÍCH CỰC TRONG HÀNH VI GIAO TIẾP, ỨNG XỬ CỦA BẢN THÂN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

Sau khi tham gia hoạt động này, HS:

- Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.
- Thực hiện được việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- + Giao tiếp, ứng xử với người thân, bạn bè, thầy cô và mọi người phù hợp với các chuẩn mực xã hội.
- + Giải quyết các vấn đề trong giao tiếp, ứng xử; trong quá trình thích nghi với những thay đổi của cuộc sống.

* Năng lực riêng:

- Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm với hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.
- Tự tin trong giao tiếp, ứng xử.
- Tôn trọng đối tượng giao tiếp.
- Kiên trì, chăm chỉ rèn luyện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Những trường hợp, tình huống thực tế về giao tiếp, ứng xử tích cực và chưa tích cực của HS THCS ở địa phương.
- Thông điệp về giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả.
- Video về giao tiếp ứng xử.

2. Đối với học sinh

- Giấy trắng khổ A4, bút viết.
- SGK và SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS phân biệt được những lời nói lịch sự, tích cực và chưa lịch sự, chưa tích cực trong giao tiếp, ứng xử.
- Nhận ra ý nghĩa, tác dụng của những lời nói lịch sự, tích cực trong giao tiếp, ứng xử.
- Tạo bầu không khí vui vẻ, hứng thú tìm hiểu chủ đề mới.

b. Nội dung:

- Trò chơi "Lịch sự"

c. Sản phẩm:

- HS tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

- Trò chơi "Lịch sự"

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Giới thiệu tên trò chơi, cách chơi và luật chơi.
- Người làm quản trò sẽ lần lượt đưa ra những lời yêu cầu, đề nghị. Nếu là những lời yêu cầu, đề nghị lịch sự (ví dụ như: Mời các bạn đứng lên/ Xin mời các bạn giơ hai tay lên cao/...) thì người chơi thực hiện

động tác theo yêu cầu. Ngược lại, nếu lời yêu cầu, đề nghị chưa lịch sự (ví dụ như: Ê, đứng lên đi!/ Giơ tay lên ngay!...) thì người chơi không được thực hiện theo.

-Nếu ai nhảm lẫn, tức là không làm theo những lời yêu cầu lịch sự, hoặc làm theo những lời yêu cầu không lịch sự, thì sẽ bị loại khỏi cuộc chơi.

– Cử HS làm quản trò.

- GV tổ chức cho HS thảo luận sau trò chơi:

+ Em có suy nghĩ gì sau khi chơi trò chơi?

- Quản trò tổ chức cho các bạn chơi với tốc độ nhanh dần. Sau một lúc có thể thay đổi người làm quản trò.

- HS thảo luận và chia sẻ về ý nghĩa của trò chơi.

- GV mở video, HS xem video và trả lời câu hỏi: “Hành vi của bạn nào nên và bạn nào là không nên trong video?”

- GV nhận xét phần tham gia hoạt động và các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào các hoạt động của bài. Giới thiệu nội dung trải nghiệm mới.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

-HS thảo luận về ý nghĩa của trò chơi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

-Tất cả HS trong lớp đều tham gia chơi.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện

GV tổ chức cho HS thảo luận sau trò chơi: Em có suy nghĩ gì sau khi chơi trò chơi?

GV kết luận: Những lời yêu cầu, đề nghị lịch sự, tích cực khi giao tiếp, ứng xử khiến người nghe cảm thấy hài lòng, dễ chịu và sẵn sàng thực hiện theo. Ngược lại những lời nói chưa lịch sự, chưa tích cực khiến người nghe cảm thấy bị xúc phạm, khó chịu và không muốn thực hiện yêu cầu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1. Tìm hiểu điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử

a. Mục tiêu:

HS chỉ ra được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử.

b. Nội dung:

- Hành vi giao tiếp, ứng xử.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của các nhân vật trong mỗi tình huống.</p> <p>-GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ 1 dựa vào các gợi ý ở mục 1, 2 của Hoạt động 1 (SGK - trang 12).</p> <p>-GV chia HS thành các nhóm, phân công mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống và chỉ ra những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của các nhân vật trong mỗi tình huống.</p> <p>-GV mời đại diện mỗi nhóm trình bày ý kiến. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.</p> <p>-GV nhận xét, tổng hợp những ý kiến của HS và chốt lại:</p> <p>+ Tình huống 1: Lê và các bạn đã có những hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực. Đó là quên không xin lỗi khi được giúp đỡ; cười nói, làm ồn trong thư viện.</p> <p>+ Tình huống 2: Huy và cậu bé đã có những hành vi</p>	<p>1. Tìm hiểu điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử</p> <p>Biểu hiện của hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực:</p> <p>+ Mạnh dạn, tự tin khi giao tiếp.</p> <p>+ Tôn trọng, quan tâm đến cảm xúc, nhu cầu, lợi ích chính đáng của đối tượng giao tiếp.</p> <p>+ Tăng nghe tích cực khi người khác đang nói.</p> <p>+ Chân thành, cầu thị, tìm những điểm hay, điểm tốt của người khác để khen ngợi và học tập họ.</p> <p>+ Sử dụng lời nói, cách nói phù hợp với người nghe.</p> <p>+ Kết hợp giữa lời nói với ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp khi giao tiếp.</p> <p>+ Cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai.</p>

giao tiếp, ứng xử tích cực. Đó là cậu bé đã biết xin lỗi khi va phải người khác. Huy đã biết kiềm chế cơn giận và nhắc nhở cậu bé một cách nhẹ nhàng, không sử dụng bạo lực.

* **Nhiệm vụ 2:** Nêu những biểu hiện tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử.

-GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ 2 dựa vào các gợi ý ở mục 1, 2, Hoạt động 1 (SGK - trang 12).

-Các nhóm thảo luận, ghi kết quả ra giấy Ao, dưới hình thức bảng, sơ đồ tư duy,...

-Các nhóm trưng bày kết quả thảo luận.

-Thảo luận chung về những hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực và chưa tích cực của HS THCS/ cộng đồng cư dân ở địa phương.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của các nhân vật trong mỗi tình huống.

Nhiệm vụ 2: Nêu những biểu hiện tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử.

-HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ và cử người ghi chép kết quả.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

-Sản phẩm hoạt động nhóm phải chỉ ra được điểm nào là tích cực, điểm nào là chưa tích cực trong hành vi của các nhân vật trong mỗi tình huống và giải thích rõ lí do.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện

-GV tổng hợp các ý kiến và kết luận:

Biểu hiện của hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực:

+ Mạnh dạn, tự tin khi giao tiếp.

+ Tôn trọng, quan tâm đến cảm xúc, nhu cầu, lợi ích chính đáng của đối tượng giao tiếp.

+ Tăng nghe tích cực khi người khác đang nói.

+ Chân thành, cầu thị, tìm những điểm hay, điểm tốt của người khác để khen ngợi và học tập họ.

+ Sử dụng lời nói, cách nói phù hợp với người nghe.

+ Kết hợp giữa lời nói với ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp khi giao tiếp.

+ Cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai.

+ Tôn trọng quy định về trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

-Biểu hiện của hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực:

+ Coi thường, không tôn trọng đối tượng giao tiếp.

+ Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.

+ Có những lời nói, hành động, cử chỉ làm tổn thương đối tượng giao tiếp.

+ Vứt rác bừa bãi, chen lấn, xô đẩy, cười đùa,... gây mất trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

+ Tôn trọng quy định về trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

-Biểu hiện của hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực:

+ Cúi thường, không tôn trọng đối tượng giao tiếp.

+ Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.

+ Có những lời nói, hành động, cử chỉ làm tổn thương đối tượng giao tiếp.

+ Vứt rác bừa bãi, chen lấn, xô đẩy, cười đùa,... gây mất trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

TUẦN 05

Ngày soạn: 30/9/2024

CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN**TIẾT 1&2. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ****NỘI DUNG 1:****NHẬN DIỆN ĐIỂM TÍCH CỰC VÀ CHƯA TÍCH CỰC TRONG HÀNH VI GIAO TIẾP, ỨNG XỬ CỦA BẢN THÂN (tiếp theo)****I. MỤC TIÊU:****1. Về kiến thức**

Sau khi tham gia hoạt động này, HS:

- Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.
- Thực hiện được việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.

2. Năng lực*** Năng lực chung:**

- + Giao tiếp, ứng xử với người thân, bạn bè, thầy cô và mọi người phù hợp với các chuẩn mực xã hội.
- + Giải quyết các vấn đề trong giao tiếp, ứng xử; trong quá trình thích nghi với những thay đổi của cuộc sống.

*** Năng lực riêng:**

- Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa.

3. Phẩm chất

- + Có trách nhiệm với bản thân.
- + Kiên trì, chăm chỉ rèn luyện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Đối với giáo viên**

- Những trường hợp, tình huống thực tế về giao tiếp, ứng xử tích cực và chưa tích cực của HS THCS ở địa phương.

-Thông điệp về giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả.

-Video về giao tiếp ứng xử.

2. Đối với học sinh

-Giấy trắng khổ A4, bút viết.

-SGK và SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

-HS phân biệt được những lời nói lịch sự, tích cực và chưa lịch sự, chưa tích cực trong giao tiếp, ứng xử.

-Nhận ra ý nghĩa, tác dụng của những lời nói lịch sự, tích cực trong giao tiếp, ứng xử.

-Tạo bầu không khí vui vẻ, hứng thú tìm hiểu chủ đề mới.

b. Nội dung:

- Trò chơi "Lịch sự"

c. Sản phẩm:

- HS tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

- Trò chơi "Lịch sự"

-Một HS quản trò lần lượt đưa ra những lời yêu cầu, đề nghị. Nếu là những lời yêu cầu, đề nghị lịch sự, tích cực thì những người chơi cần phải thực hiện theo. Nếu là những lời yêu cầu, đề nghị chưa lịch sự, chưa tích cực thì những người chơi sẽ không thực hiện.

Thảo luận chung "Cảm nhận của em thế nào sau khi chơi trò chơi này?"

GV kết luận: Những lời yêu cầu, đề nghị 'lịch sự, tích cực khi giao tiếp, ứng xử khiến người nghe cảm thấy hài lòng, dễ chịu và sẵn sàng thực hiện theo. Ngược lại những lời nói chưa lịch sự, chưa tích cực khiến người nghe cảm thấy bị xúc phạm, khó chịu và không muốn thực hiện yêu cầu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 2. Nhận diện điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân

a. Mục tiêu:

-HS tự đánh giá được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.

b. Nội dung:

-HS tự đánh giá

c. Sản phẩm:

- Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Nhiệm vụ:</i> Chỉ ra những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân, -GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ dựa vào các gợi ý ở mục 1, Hoạt động 2 (SGK - trang 12, 13). PHT				2.Nhận diện điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân
Hành vi giao tiếp, ứng xử	Mức độ biểu hiện			
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường Xuyên	
1. Lắng nghe khi người khác đang nói.		X		

2. Thực hiện quy định về giao tiếp, ứng xử nơi		X	
3. Giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai.			X
4. Không ngắt lời người khác khi họ đang nói mà không xin lỗi trước.		X	
5. Không thực hiện lời nói, hành động, cử chỉ làm tổn thương người khác,...	X		

-HS làm việc cá nhân và ghi kết quả vào SBT *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9*.

-GV yêu cầu HS suy nghĩ về những biện pháp rèn luyện cần thực hiện để khắc phục, thay đổi những điểm chưa tích cực trong giao tiếp, ứng xử của bản thân.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

-HS chia sẻ kết quả tự đánh giá trong nhóm nhỏ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

-GV mời mỗi nhóm một HS lên trình bày kết quả tự đánh giá và biện pháp rèn luyện trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện

-GV tổng hợp các ý kiến, khen ngợi HS đã tự đánh giá được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân; gợi ý HS nên rèn luyện kĩ năng giao tiếp, ứng xử bằng nhiều cách như:

- + Tham gia câu lạc bộ về kĩ năng giao tiếp.
- + Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức.
- + Tăng cường giao tiếp với bạn bè, thầy cô, những người thân trong gia đình và những người xung quanh.
- + Học hỏi kinh nghiệm những người có kĩ năng giao tiếp tốt.
- + Ghi lại bài học kinh nghiệm tự rút ra sau mỗi lần giao tiếp, ứng xử thành công hay thất bại
- + Nhờ người thân và những người đáng tin cậy góp ý cho bản thân về cách giao tiếp, ứng xử.

Hoạt động 3. Xây dựng thông điệp về hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả

a. Mục tiêu:

-HS xây dựng được thông điệp về giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả trong cuộc sống.

b. Nội dung:

-HS tự xây dựng

c. Sản phẩm:

- Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV yêu cầu mỗi HS/ nhóm HS xây dựng một thông điệp về giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả trong cuộc sống. -Nội dung thông điệp: + Ý nghĩa, tầm quan trọng của hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả. + Biện pháp rèn luyện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả. -Hình thức truyền tải thông điệp: viết/ vẽ tranh/ trình diễn tiểu phẩm/... -GV có thể đưa ra một vài thông điệp cụ thể để gợi ý cho HS. Ví dụ như: + “Giao tiếp, ứng xử lịch sự, tích cực là biểu hiện của người có văn hoá.” + “Giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả, sẽ giúp bạn được mọi người yêu quý và có thêm nhiều bạn bè.” + ... -HS/ nhóm HS trình bày, giới thiệu các thông điệp đã xây dựng được. -GV hướng dẫn cả lớp cùng nhận xét, bình chọn những thông điệp ấn tượng nhất.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập -HS/ nhóm HS thảo luận lựa chọn nội dung và hình thức thể hiện thông điệp. -HS thực hành xây dựng thông điệp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận -Ý nghĩa, tầm quan trọng của hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực. Hoặc: – Biện pháp rèn luyện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực..</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện -GV tổng hợp các ý kiến, khen ngợi HS đã tự đánh giá được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân; gợi ý HS nên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử bằng nhiều cách như: + Tham gia câu lạc bộ về kỹ năng giao tiếp. + Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. + Tăng cường giao tiếp với bạn bè, thầy cô, những người thân trong gia đình và những người xung quanh. + Học hỏi kinh nghiệm những người có kỹ năng giao tiếp tốt. + Ghi lại bài học kinh nghiệm tự rút ra sau mỗi lần giao tiếp, ứng xử thành công hay thất bại + Nhờ người thân và những người đáng tin cậy góp ý cho bản thân về cách giao tiếp, ứng xử.</p>	<p>3.Xây dựng thông điệp về hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực, hiệu quả + Tham gia câu lạc bộ về kỹ năng giao tiếp. + Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. + Tăng cường giao tiếp với bạn bè, thầy cô, những người thân trong gia đình và những người xung quanh. + Học hỏi kinh nghiệm những người có kỹ năng giao tiếp tốt. + Ghi lại bài học kinh nghiệm tự rút ra sau mỗi lần giao tiếp, ứng xử thành công hay thất bại + Nhờ người thân và những người đáng tin cậy góp ý cho bản thân về cách giao tiếp, ứng xử.</p>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

Hoạt động 4. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân

a. Mục tiêu:

-HS thực hiện được việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong cuộc sống hằng ngày.

b. Nội dung:

-Những kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong cuộc sống hằng ngày

c. Sản phẩm:

- Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Câu hỏi: <i>-Thực hiện rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong cuộc sống hằng ngày ?</i> <i>-Chia sẻ kết quả rèn luyện ?</i> -GV yêu cầu HS rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong cuộc sống hằng ngày ở trường, ở nhà và ở cộng đồng bằng các biện pháp phù hợp; đồng thời hướng dẫn HS cách ghi chép, lưu giữ kết quả rèn luyện và ghi lại cảm xúc của bản thân khi rèn luyện.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập -HS thực hiện nhiệm vụ vận dụng theo yêu cầu của GV. -HS ghi chép, lưu giữ kết quả rèn luyện và ghi lại cảm xúc của bản thân khi rèn luyện.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận -GV mời mỗi nhóm một HS lên trình bày ..</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện -GV tổng hợp các ý kiến, khen ngợi HS ...</p>	<p>4. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân</p>

TỔNG KẾT

- GV nhận xét về tinh thần, thái độ tham gia các hoạt động học tập của học sinh.
- GV tổ chức cho HS lần lượt chia sẻ về nội dung sau:
 - + *Em hãy chia sẻ những điều học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.*
 - + *Thuận lợi và khó khăn của em khi trải nghiệm các hoạt động trong bài học.*
- GV tổ chức cho HS lần lượt chia sẻ, GV tương tác với HS trong quá trình chia sẻ để các em tự tin hơn.
- GV tôn trọng ý kiến và đánh giá của HS, nhận xét và khuyến khích HS vận dụng tốt kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong thực tiễn cuộc sống.
- GV kết luận chung.
- Dặn dò HS chuẩn bị cho nội dung tiết học sau.

TIẾT 3: SINH HOẠT LỚP

TRÒ CHƠI "PHỎNG VẤN".

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS phản hồi được kết quả rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

- **Năng lực riêng:**

+ Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với GV:

- Kế hoạch tuần mới.
- Nội dung liên quan,...

2. Đối với HS:

- Nội dung sơ kết tuần
- Chuẩn bị theo hướng dẫn của GVCN.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen tiết SHL.

b. Nội dung:

- GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GVCN ổn định lớp và hướng HS vào tiết sinh hoạt lớp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sơ kết tuần

a. Mục tiêu:

- Tổng kết được các hoạt động tuần cũ và đưa ra kế hoạch tuần mới.

b. Nội dung:

- Tổng kết và đưa ra kế hoạch tuần mới

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của ban cán sự lớp

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu ban cán sự lớp tự điều hành lớp, đánh giá và sơ kết tuần, xây dựng kế hoạch tuần mới.

Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề

a. Mục tiêu:

- Những kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.

b. Nội dung:

- Kết quả rèn luyện của HS

c. Sản phẩm:

- HS chia sẻ theo nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm.

- GV tổ chức trò chơi “Phóng viên” theo luật chơi như sau:

+ Lượt 1, nhóm 1 sẽ cử một thành viên làm phóng viên, thực hiện phỏng vấn các HS trong 3 nhóm còn lại.

+ Lượt 2, nhóm 2 sẽ cử một thành viên làm phóng viên, thực hiện phỏng vấn các HS trong 3 nhóm còn lại.

Lần lượt như vậy, cả 4 nhóm thông qua 4 lượt chơi làm phóng viên phỏng vấn một số HS trong lớp.

- Nội dung phỏng vấn xoay quanh những câu hỏi gợi ý như sau: (HS có thể tự bổ sung thêm các câu hỏi trong quá trình phỏng vấn).

+ *Bạn đã làm gì để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân*

+ *Bạn đã có những tiến bộ, thay đổi tích cực nào trong giao tiếp, ứng xử*

+ *Bạn có gặp khó khăn gì khi rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử*

+ *Bạn cảm thấy như thế nào khi giao tiếp, ứng xử hiệu quả/ chưa hiệu quả HS chia sẻ thu hoạch của bản thân sau trò chơi.*

- GV linh động kết thúc hoạt động khi đã có một số HS được chia sẻ.
- HS hào hứng, tích cực tham gia trò chơi.
- HS đóng vai phóng viên tương tác linh động khi phỏng vấn. HS được mời phỏng vấn tích cực chia sẻ, trả lời đúng với trải nghiệm của bản thân.
- GV khích lệ, tương tác với HS trong hoạt động để các em tự tin trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá các câu trả lời của HS.
- GV nhận xét chung, khen những HS đã có những tiến bộ trong giao tiếp, ứng xử và động viên những HS khác tiếp tục rèn luyện để giao tiếp, ứng xử hiệu quả trong cuộc sống.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ với các bạn trong nhóm về hai nội dung sau:
 - + *Những cảm nhận, thay đổi của bản thân sau khi rèn luyện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực.*
- Mỗi HS sau khi chia sẻ với các bạn trong nhóm, sẽ nhận góp ý từ các bạn. Yêu cầu tất cả HS đều được nhận ít nhất một ý kiến từ các bạn cùng nhóm.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Lắng nghe GV hướng dẫn cách chơi.
- Mỗi nhóm cử một bạn sắm vai làm phóng viên.
- Các “phóng viên” chuẩn bị câu hỏi phỏng vấn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- Những câu trả lời chân thực về kết quả rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử của bản thân trong thực tiễn.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện

- GV nhận xét chung, khen những HS đã có những tiến bộ trong giao tiếp, ứng xử và động viên những HS khác tiếp tục rèn luyện để giao tiếp, ứng xử hiệu quả trong cuộc sống.
- GV kết luận chung:
 - + Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là yêu cầu cần thiết đối với mỗi người sống trong xã hội hiện đại để có được thành công trong công việc và hạnh phúc trong cuộc sống. Vì vậy, mỗi chúng ta cần khám phá/ tự đánh giá được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân, dựa vào những biểu hiện của hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực. Từ đó, tích cực rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử tích cực trong cuộc sống hằng ngày.
- GV nhận xét thái độ tham gia các hoạt động của HS.
- Tuyên dương, khen ngợi những HS và nhóm HS tích cực tham gia các hoạt động.
- GV kết luận hoạt động.
- Dặn dò HS chuẩn bị cho nội dung 2.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN



TIẾT 1&2: SINH HOẠT DƯỚI CỜ

THI THUYẾT TRÌNH VỀ CHỦ ĐỀ “TẦM QUAN TRỌNG CỦA NĂNG LỰC THÍCH NGHI VỚI SỰ THAY ĐỔI TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI”

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau khi tham gia hoạt động này, HS:

-HS trình bày, phân tích được tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:**

-Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học

- **Năng lực riêng:**

-Ý thức rèn luyện khả năng tranh biện

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với TPT, BGH và GV:

-Nội dung tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

-Một số câu hỏi dẫn dắt HS thảo luận.

2. Đối với HS:

Chuẩn bị trước một số ý kiến liên quan đến nội dung .

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS trước khi diễn ra buổi lễ chào cờ.

b. Nội dung:

-HS ổn định vị trí chỗ ngồi, chuẩn bị chào cờ.

c. Sản phẩm:

- Thái độ HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chủ nhiệm yêu cầu HS của lớp mình chuẩn chỉnh trang phục, ổn định vị trí, chuẩn bị.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chào cờ, sơ kết thi đua tuần và phổ biến nhiệm vụ tuần mới

a. Mục tiêu:

-HS hiểu được chào cờ là một nghi thức trang trọng thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha anh đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, giúp mỗi học sinh biết đoàn kết để tạo nên sức mạnh, biết chia sẻ để phát triển.

b. Nội dung:

-HS hát quốc ca.

-Tổng phụ trách hoặc BGH nhận xét.

c. Sản phẩm:

-Kết quả làm việc của HS và Tổng phụ trách.

d. Tổ chức thực hiện:

- HS điều khiển lễ chào cờ.

- Lớp trực tuần nhận xét thi đua.

- TPT hoặc đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.

Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề

a. Mục tiêu:

-HS trình bày, phân tích được tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

b. Nội dung:

- Bài viết khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

c. Sản phẩm:

-HS trao đổi, chia sẻ ý kiến.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

-Người dẫn chương trình tuyên bố lí do, giới thiệu BGK.

-Trưởng BGK công bố các tiêu chí chấm thi:

Về nội dung thuyết trình:

+ Phân tích được những thay đổi trong cuộc sống hiện đại: Thay đổi môi trường sống, môi trường làm việc, môi trường học tập, hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp, vị thế trong gia đình/ xã hội, các mối quan hệ,...

+ Phân tích được tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại: giúp con người giữ được cân bằng, không bị gục ngã, tồn tại, phát triển và thành công trong xã hội hiện đại.

Về cách thuyết trình:

+ Trình bày trôi chảy, rõ ràng, thuyết phục.

+ Có dẫn chứng thực tế minh họa.

+ Sử dụng lời nói kết hợp với tranh ảnh, video, sơ đồ minh họa.

-Về thời gian thuyết trình: 5-7 phút/ người

-Theo giới thiệu của người dẫn chương trình, lần lượt từng thí sinh lên thuyết trình. Các thành viên BGK sẽ cho điểm công khai đối với từng thí sinh.

-Trưởng BGK công bố danh sách những thí sinh xuất sắc nhất và tặng phần thưởng cho các em.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

-Trình diễn một số tiết mục văn nghệ (ca, múa, nhạc, đọc rap,...).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

-Cá nhân/ tập thể HS trình

Bước 4: Báo cáo, đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

-*Kết thúc cuộc thi, người dẫn chương trình đưa ra thông điệp của cuộc thi; Cuộc sống hiện đại luôn biến động, có nhiều thay đổi. Đừng nản chí, gục ngã mà hãy chấp nhận và sẵn sàng đương đầu, thích nghi với chúng vì tương lai, hạnh phúc của bạn.*

ĐÁNH GIÁ

- HS chia sẻ thu hoạch và cảm xúc sau khi tham gia cuộc thi.

C. HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI

HS tranh biện với bạn bè, người thân về một số vấn đề liên quan đến lứa tuổi HS THCS

TIẾT 3. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ

NỘI DUNG 2:

KHÁM PHÁ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:
- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.
- Đề xuất và thực hiện được biện pháp rèn luyện để phát triển khả năng thích nghi của bản thân.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác

* Năng lực riêng:

- Kỹ năng thuyết trình

3. Phẩm chất

- HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Không gian đủ rộng để tổ chức cuộc thi; tranh ảnh, băng rôn trang trí; ghế ngồi; micro và loa đài; phần thưởng cho thí sinh đạt giải,...
- Thành lập BGK, người dẫn chương trình (MC).
- GV xây dựng thể lệ, các tiêu chí chấm thi thuyết trình và phổ biến thể lệ và các tiêu chí chấm thi thuyết trình đến HS các lớp.
- Giấy A0, bút dạ, băng dính,...

2. Đối với học sinh

- Chuẩn bị nội dung và luyện tập kỹ năng thuyết trình để tham dự thi thuyết trình.
- Sưu tầm, tìm hiểu câu chuyện, tình huống thực tiễn về khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.
- SGK và SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: Trò chơi “Vận động theo lời bài hát”.

a. Mục tiêu:

- HS phản ứng nhanh, linh hoạt các động tác theo những thay đổi của lời bài hát.
- Tạo không khí vui vẻ, thoải mái trong lớp học.
- Tạo hứng thú cho HS tìm hiểu chủ đề mới.

b. Nội dung:

- HS tham gia trò chơi

c. Sản phẩm:

- HS trình bày

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cử một HS làm quản trò. Quản trò đứng phía trên bảng, vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui. Cả lớp phải vừa hát, vừa làm động tác theo quản trò. Thỉnh thoảng, quản trò lại bất chợt

đổi bài hát và thay đổi động tác cơ thể, cả lớp cũng lập tức phải thay đổi theo. Ai không thay đổi được hoặc thay đổi chậm, người đó sẽ bị phạt.

-HS chia sẻ cảm nhận sau khi chơi trò chơi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chơi trò chơi theo hiệu lệnh của bạn quản trò.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

-HS vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui

Bước 4: Báo cáo, đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

-GV kết luận về ý nghĩa của trò chơi: Cuộc sống luôn có những thay đổi, buộc chúng ta phải chấp nhận sự thay đổi và thay đổi để thích nghi.

-GV chuyển ý, giới thiệu nội dung 2.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống

a. Mục tiêu:

-HS chia sẻ được những kinh nghiệm cá nhân đã có liên quan đến việc thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

-Xác định được những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống

b. Nội dung:

-Những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống

c. Sản phẩm:

- HS trình bày

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về những thay đổi em đã gặp phải trong cuộc sống và cách ứng phó thành công hay thất bại của em trước những thay đổi ấy.</p> <p>-GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn ITS đọc các gợi ý ở mục 1, Hoạt động 1 (SGK - trang 13) để dựa vào đó thực hiện nhiệm vụ. Có thể chia sẻ về một người mà em biết đã có những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó của họ trước những thay đổi ấy.</p> <p>-Tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm nhỏ.</p> <p>-GV mời mỗi nhóm 1 HS chia sẻ trước lớp.</p> <p>-GV tổng kết các kinh nghiệm đã có của HS.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong các tình huống ở mục 3 (SGK - trang 14).</p> <p>-GV chuyển giao nhiệm vụ 2, hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>-Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>-Thảo luận chung cả lớp.</p> <p>GV tổng hợp các ý kiến và chốt lại:</p> <p>Tình huống 1: Biểu hiện khả năng thích nghi của Phong với môi trường học tập mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới, đặc biệt là về những yêu cầu của nhà trường đối với HS. + Chủ động làm quen với các bạn trong tổ, lớp. + Nhờ các bạn hướng dẫn, giúp đỡ mình thêm. + Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể của lớp, trường. 	<p>1. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.</p> <p>Những thay đổi có thể gặp trong cuộc sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi về chỗ ở. + Thay đổi về hoàn cảnh kinh tế gia đình, về các mối quan hệ trong gia đình. + Thay đổi về môi trường học tập (chuyển lớp, chuyển trường, chuyển cấp học). + Thay đổi về quan hệ hạn bè. + Thay đổi về vị thế xã hội. <p>-Biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chấp nhận sự thay đổi, coi đó là một phần tất yếu của cuộc sống. + Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra. + Chủ động học hỏi và tìm hiểu những điều mới để tìm cách ứng xử, thích nghi với sự thay đổi. + Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.

+ Xung phong nhận những nhiệm vụ phù hợp với sở thích, khả năng để nhanh chóng hoà nhập với môi trường mới.

Tình huống 2: Biểu hiện khả năng thích nghi của Hiền với cuộc sống gia đình: Khi bố đi công tác xa nhà, Hiền chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em nhỏ, làm việc nhà mà vẫn đảm bảo việc học của bản thân.

Nhiệm vụ 3: Xác định những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

-GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS dựa vào kết quả chia sẻ ở nhiệm vụ 1, 2 và gợi ý nêu trong mục 2 (SGK - trang 13) để thảo luận, xác định những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

-Nhắc HS nêu thêm những biểu hiện khác.

-Thảo luận chung cả lớp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

-Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

-Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện

-GV tổng hợp các ý kiến và kết luận:

Những thay đổi có thể gặp trong cuộc sống:

+ Thay đổi về chỗ ở.

+ Thay đổi về hoàn cảnh kinh tế gia đình, về các mối quan hệ trong gia đình.

+ Thay đổi về môi trường học tập (chuyển lớp, chuyển trường, chuyển cấp học).

+ Thay đổi về quan hệ hạn bè.

+ Thay đổi về vị thế xã hội.

-Biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống:

+ Chấp nhận sự thay đổi, coi đó là một phần tất yếu của cuộc sống.

+ Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra.

+ Chủ động học hỏi và tìm hiểu những điều mới để tìm cách ứng xử, thích nghi với sự thay đổi.

+ Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.

BẢNG VÍ DỤ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN VỚI SỰ THAY ĐỔI

Sự thay đổi	Chưa thích nghi được	Đã thích nghi
Chuyển trường	- Ngại tiếp xúc với bạn mới. - Ngại tham gia các hoạt động tập thể của lớp.	- Chủ động bắt chuyện và làm quen với các bạn. - Tích cực tham gia các hoạt động tập thể của lớp.
Chuyển nhà	- Không thích/không thấy phù hợp với chỗ ở mới của gia đình. - Chưa quen với đường xá, phong tục tập quán, hàng xóm, các điểm sinh	- Chấp nhận việc thay đổi chỗ ở mới của gia đình. Xác định trước những khó khăn phải đối mặt khi sống ở nơi ở mới. - Chủ động hỏi bố mẹ, người thân về nơi ở

	hoạt văn hóa... tại chỗ ở mới. - Chưa quen với ngôi trường mới. - Chưa làm quen được với những người bạn mới.	mới; chủ động tìm hiểu nơi ở mới (địa chỉ, khoảng cách từ nhà đến trường, đường xá, phong tục tập quán, hàng xóm, các điểm sinh hoạt văn hóa...) - Chủ động tìm hiểu ngôi trường mới. - Chủ động làm quen những người bạn mới.
Bố/mẹ tạm nghỉ việc	Chưa quen với việc bố/mẹ ở nhà, chưa tìm được công việc mới.	- Động viên người thân cố gắng tìm công việc mới. - Chia sẻ, chơi với bố người thân mỗi tối khi học bài xong.
Bản thân bị ốm	Cơ thể mệt mỏi, khó chịu, khó chịu với những người xung quanh.	Cố gắng nghỉ ngơi, uống thuốc đúng giờ để: - Mau khỏe lại cho bố mẹ đỡ vất vả. - Được đến trường học mỗi ngày.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Tiết 2&3)

TUẦN 07

Ngày soạn: 14/10/2024

CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN



TIẾT 1&2. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ

NỘI DUNG 2:

KHÁM PHÁ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:
- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.
- Đề xuất và thực hiện được biện pháp rèn luyện để phát triển khả năng thích nghi của bản thân.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác

* Năng lực riêng:

- Kỹ năng thuyết trình

3. Phẩm chất

- HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Không gian đủ rộng để tổ chức cuộc thi; tranh ảnh, băng rôn trang trí; ghế ngồi; micro và loa đài; phần thưởng cho thí sinh đạt giải,...
- Thành lập BGK, người dẫn chương trình (MC).
- GV xây dựng thể lệ, các tiêu chí chấm thi thuyết trình và phổ biến thể lệ và các tiêu chí chấm thi thuyết trình đến HS các lớp.
- Giấy A0, bút dạ, băng dính,...

2. Đối với học sinh

- Chuẩn bị nội dung và luyện tập kỹ năng thuyết trình để tham dự thi thuyết trình.
- Sưu tầm, tìm hiểu câu chuyện, tình huống thực tiễn về khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.
- SGK và SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: Trò chơi “Vận động theo lời bài hát”.

a. Mục tiêu:

- HS phản ứng nhanh, linh hoạt các động tác theo những thay đổi của lời bài hát.
- Tạo không khí vui vẻ, thoải mái trong lớp học.
- Tạo hứng thú cho HS tìm hiểu chủ đề mới.

b. Nội dung:

- HS tham gia trò chơi

c. Sản phẩm:

- HS trình bày

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cử một HS làm quản trò. Quản trò đứng phía trên bảng, vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui. Cả lớp phải vừa hát, vừa làm động tác theo quản trò. Thỉnh thoảng, quản trò lại bắt chợt đổi bài hát và thay đổi động tác cơ thể, cả lớp cũng lập tức phải thay đổi theo. Ai không thay đổi được hoặc thay đổi chậm, người đó sẽ bị phạt.
- HS chia sẻ cảm nhận sau khi chơi trò chơi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- HS vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui

Bước 4: Báo cáo, đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV kết luận về ý nghĩa của trò chơi: Cuộc sống luôn có những thay đổi, buộc chúng ta phải chấp nhận sự thay đổi và thay đổi để thích nghi.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Hoạt động 2. Đề xuất cách giải quyết tình huống để thích nghi với sự thay đổi

a. Mục tiêu:

HS đề xuất được những cách giải quyết để thích nghi với sự thay đổi.

b. Nội dung:

- Những cách giải quyết để thích nghi với sự thay đổi.

c. Sản phẩm:

- Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận, liệt kê những thay đổi cụ thể mà hiện nay chính các em đang phải đối mặt trong thực tiễn và chưa giải quyết được.	2. Đề xuất cách giải quyết tình huống để thích nghi với sự thay đổi

<p>-Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả.</p> <p>-GV lựa chọn một số thay đổi điển hình nhất trong danh sách HS đã nêu và phân công cho mỗi nhóm thảo luận tìm cách giải quyết để thích nghi được với sự thay đổi đó.</p> <p>-Các nhóm thảo luận, đề xuất cách giải quyết.</p> <p>-Đại diện các nhóm trình bày kết quả bằng lời hoặc dưới dạng tiểu phẩm/ sơ đồ/...</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>-Các nhóm thảo luận, đề xuất cách giải quyết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận</p> <p>-Đại diện các nhóm trình bày kết quả bằng lời hoặc dưới dạng tiểu phẩm/ sơ đồ/...</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện</p> <p>-GV tổng hợp các ý kiến và kết luận về cách giải quyết phù hợp đối với mỗi sự thay đổi trong thực tiễn cuộc sống của HS.</p>	
--	--

Hoạt động 3. Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi

a. Mục tiêu:

- HS tự đánh giá được khả năng thích nghi của bản thân với những thay đổi trong cuộc sống.
- Chia sẻ được với thầy cô, bạn bè về kết quả tự khám phá của bản thân.

b. Nội dung:

- Kết quả tự khám phá của bản thân.

c. Sản phẩm:

- Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																		
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Nhiệm vụ: Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi bằng cách tự đánh giá mức độ biểu hiện.</p> <p>-GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS đọc các gợi ý ở mục 1, Hoạt động 2 (SGK - trang 14) để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p style="text-align: center;">PHT</p> <table><tr><th>Biểu hiện của khả năng thích nghi với sự thay đổi</th><th colspan="2">Mức độ biểu hiện</th></tr><tr><th></th><th>Có</th><th>Không</th></tr><tr><td>1. Chấp nhận sự thay đổi.</td><td>x</td><td></td></tr><tr><td>2. Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra.</td><td></td><td>x</td></tr><tr><td>3. Chủ động khám phá, học hỏi những điều mới.</td><td>x</td><td></td></tr><tr><td>4. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.</td><td>x</td><td></td></tr></table> <p>-HS thực hiện nhiệm vụ và ghi kết quả vào SBT.</p> <p>-HS chia sẻ kết quả tự đánh giá/ khám phá khả năng thích nghi của bản thân với bạn bè, thầy cô.</p> <p>-Lắng nghe góp ý của bạn bè, thầy cô và hoàn thiện lại kết quả tự đánh giá của bản thân.</p>	Biểu hiện của khả năng thích nghi với sự thay đổi	Mức độ biểu hiện			Có	Không	1. Chấp nhận sự thay đổi.	x		2. Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra.		x	3. Chủ động khám phá, học hỏi những điều mới.	x		4. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.	x		<p>3. Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi</p> <p>-</p>
Biểu hiện của khả năng thích nghi với sự thay đổi	Mức độ biểu hiện																		
	Có	Không																	
1. Chấp nhận sự thay đổi.	x																		
2. Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra.		x																	
3. Chủ động khám phá, học hỏi những điều mới.	x																		
4. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.	x																		

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Làm việc theo nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận - Đại diện nhóm trình bày Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện -GV nhận xét chung, khen ngợi những HS đã có khả năng thích nghi tốt và động viên những HS khác tiếp tục rèn luyện để nâng cao khả năng thích nghi của bản thân.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

Hoạt động 4: Rèn luyện khả năng thích nghi của bản thân

a. Mục tiêu:

HS thực hiện được việc rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

b. Nội dung:

- Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

c. Sản phẩm:

- Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tiếp tục rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống và hướng dẫn HS cách ghi lại kết quả, cảm xúc của bản thân vào SBT, -HS thực hiện việc rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống. -HS ghi lại kết quả, cảm xúc và những khó khăn mình gặp phải trong quá trình rèn luyện vào SBT theo hướng dẫn của GV. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe GV giao nhiệm vụ. - HS thực hiện việc rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi trong cuộc sống của bản thân. - Ghi lại kết quả, cảm xúc và những khó khăn em gặp phải trong quá trình rèn luyện vào SBT. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận - Đại diện nhóm trình bày Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện - GV cùng HS phân tích, nhận xét, đánh giá, định hướng thêm nội dung phù hợp cho HS. - GV cùng cha mẹ HS và các lực lượng giáo dục khác giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của HS và tạo điều kiện thuận lợi cho HS thực hiện nhiệm vụ. - GV kết luận, chuyển sang hoạt động tiếp theo.	4. Rèn luyện khả năng thích nghi của bản thân -

TỔNG KẾT

- GV nhận xét về tinh thần, thái độ tham gia các hoạt động học tập của học sinh.
- GV tổ chức cho HS lần lượt chia sẻ về nội dung sau:
 - + Em hãy chia sẻ những điều học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.
 - + Thuận lợi và khó khăn của em khi trải nghiệm các hoạt động trong bài học.

- GV tổ chức cho HS lần lượt chia sẻ, GV tương tác với HS trong quá trình chia sẻ để các em tự tin hơn.
- GV tôn trọng ý kiến và đánh giá của HS, nhận xét và khuyến khích HS vận dụng tốt kỹ năng thích ứng với những thay đổi trong thực tiễn cuộc sống.
- GV kết luận chung.
- Dẫn dắt HS chuẩn bị cho nội dung tiết học sau.

TIẾT 3: SINH HOẠT LỚP

CHIA SẺ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN VỚI NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CUỘC SỐNG.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS chia sẻ được kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề
- **Năng lực riêng:**
 - + Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với GV:

- Kế hoạch tuần mới.
- Nội dung liên quan,...

2. Đối với HS:

- Nội dung sơ kết tuần
- Chuẩn bị theo hướng dẫn của GVCN.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen tiết SHL.

b. Nội dung:

- GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GVCN ổn định lớp và hướng HS vào tiết sinh hoạt lớp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sơ kết tuần

a. Mục tiêu:

- Tổng kết được các hoạt động tuần cũ và đưa ra kế hoạch tuần mới.

b. Nội dung:

- Tổng kết và đưa ra kế hoạch tuần mới

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của ban cán sự lớp

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu ban cán sự lớp tự điều hành lớp, đánh giá và sơ kết tuần, xây dựng kế hoạch tuần mới.

Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề

a. Mục tiêu:

HS chia sẻ được kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

b. Nội dung:

- Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

c. Sản phẩm:

- HS chia sẻ

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ cá nhân với các bạn trong nhóm về hai nội dung sau:
 - + *Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.*
 - + *Những khó khăn em gặp phải trong quá trình rèn luyện và cách em khắc phục những khó khăn đó.*
- Mỗi HS sau khi chia sẻ với các bạn trong nhóm, sẽ nhận góp ý từ các bạn. Yêu cầu tất cả HS đều được nhận ít nhất một ý kiến từ các bạn cùng nhóm.
- GV tổ chức cho cả lớp nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động chia sẻ của HS và của các nhóm.
- HS chia sẻ trong nhóm.
- GV mời mỗi nhóm một HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét chung và hướng dẫn HS cách thức vượt qua những khó khăn trong quá trình rèn luyện.
- GV yêu cầu một số HS chia sẻ những điều học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.
- GV kết luận chung:
 - + Cuộc sống hiện đại luôn có những thay đổi. Chấp nhận sự thay đổi và có khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại là kỹ năng sống cần thiết mà mỗi người cần có để tồn tại và phát triển trong xã hội đầy biến động. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó với những thay đổi, đồng thời biết khám phá/ tự đánh giá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi giúp chúng ta có những hiểu biết cần thiết để rèn luyện khả năng thích nghi, chủ động đáp ứng và đáp ứng hiệu quả với những thay đổi trong cuộc sống.
- GV nhận xét thái độ tham gia các hoạt động của HS.
- Tuyên dương, khen ngợi những HS và nhóm HS tích cực tham gia các hoạt động.
- GV kết luận hoạt động.

TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ 2

Yêu cầu một số HS chia sẻ những điều học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.

GV kết luận chung: Cuộc sống hiện đại luôn có những thay đổi. Chấp nhận sự thay đổi và có khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại là kỹ năng sống cần thiết mà mỗi người cần có để tồn tại và phát triển trong xã hội đầy biến động. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó với những thay đổi, đồng thời biết khám phá/ tự đánh giá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi giúp chúng ta có những hiểu biết cần thiết để rèn luyện khả năng thích nghi, chủ động đáp ứng và đáp ứng hiệu quả với những thay đổi trong cuộc sống.

-Nhận xét thái độ tham gia các hoạt động của HS. Tuyên dương, khen ngợi những HS, nhóm HS tích cực tham gia các hoạt động.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

VI. ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 2:

1.GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng lẫn nhau trong nhóm về' kết quả trải nghiệm Chủ đề 2 theo các tiêu chí đánh giá (SGK - trang 15).

Yêu cầu cần đạt	Đánh giá	
	Đạt	Chưa đạt
1-Nhận diện được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.		
2.Nêu được các biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.		
3.Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.		

Đạt: Nếu HS đạt được từ 2 tiêu chí trở lên.

Chưa đạt: Nếu HS chỉ đạt nhiều nhất là 1 tiêu chí.

2.HS tiến hành tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng lẫn nhau.

3.GV tổng hợp các kết quả đánh giá từ:

Đánh giá thường xuyên của GV.

Tự đánh giá của HS.

Đánh giá đồng đẳng của nhóm HS.

Đánh giá của cha mẹ HS.

4.GV đưa ra đánh giá cuối cùng về kết quả học tập Chủ đề 2 của HS.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CHỦ ĐỀ 2

1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Cách ứng xử đúng khi có người đóng góp ý kiến về điểm yếu của mình là

- A. Trở nên tức giận.
- B. Lắng nghe để tự thay đổi.
- C. Tự ái trước lời góp ý thiện chí.
- D. Cho rằng họ là người xấu.

Câu 2: Đây là cách ứng phó khi thay đổi chỗ ở?

- A. Xác định trước những khó khăn, thách thức sẽ phải đối mặt khi sống ở nơi mới.
- B. Chú ý lắng nghe thầy cô giảng bài.
- C. Chủ động học tập, tìm hiểu về bài học.
- D. Tích cực giờ tay phát biểu.

Câu 3: Đây là cách ứng xử khi làm một bài Toán khó?

- A. Thích nghi với sự thay đổi.
- B. Chuyển sang làm bài tập khác.
- C. Trao đổi cách làm bài cùng các bạn, học hỏi kinh nghiệm từ những bạn học tốt trong lớp.
- D. Vui vẻ, hòa đồng với mọi người.

Câu 4: Đây là biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống?

- A. Buồn bã, chán nản trong học tập.
- B. Căng thẳng, áp lực trong công việc.
- C. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.
- D. Cảm xúc thất thường.

Câu 5: Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là

- A. Né tránh giao tiếp.
- B. Không biết kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi giao tiếp.
- C. Tạo được sự hiểu biết lẫn nhau.
- D. Chỉ trích, phê phán người khác.

Câu 6: Hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực là

- A. Thể hiện sự tôn trọng.
- B. Thể hiện sự đồng cảm.
- C. Chủ động giao tiếp.
- D. Coi thường, hạ thấp người khác.

Câu 7: Đây là biểu hiện của việc lắng nghe tích cực?

- A. Phán xét, áp đặt lên suy nghĩ của người khác.
- B. Chú ý vào câu chuyện để nắm bắt thông tin.
- C. Ngắt lời, chen ngang khi người khác đang nói chuyện.
- D. Làm việc riêng khi đang nói chuyện.

Câu 8: Thế nào là giao tiếp, ứng xử có văn hóa?

- A. Ghen ghét, đố kị với mọi người.
- B. Tranh cãi với mọi người.
- C. Nói chuyện lớn tiếng với mọi người.
- D. Tôn trọng với mọi người.

Câu 9: Thế nào là giao tiếp, ứng xử?

- A. là hoạt động tương tác giữa người với người nhằm đạt được một mục đích nào đó.
- B. là hoạt động tương tác giữa con người với vật nuôi.
- C. là cảm xúc của con người trước cảnh vật thiên nhiên.
- D. là hành động lăng mạ, xúc phạm giữa người với người.

Câu 10: Đây là hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực?

- A. Cắt ngang khi người khác đang nói chuyện.
- B. Sử dụng ngôn ngữ không chuẩn mực.
- C. Lăng mạ, xúc phạm người vô gia cư.
- D. Lịch sự, tế nhị trong giao tiếp, ứng xử.

2. THÔNG HIỂU (13 CÂU)

Câu 1: Đây **không** phải là hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực?

- A. Lắng nghe khi người khác đang nói.
- B. Thực hiện quy định về giao tiếp, ứng xử nơi công cộng.
- C. Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.
- D. Giúp đỡ cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai, những người có hoàn cảnh khó khăn.

Câu 2: Đây **không** phải là hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực?

- A. Giúp đỡ cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai, những người có hoàn cảnh khó khăn.
- B. Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.
- C. Có những lời nói, hành động, cử chỉ làm tổn thương người khác.
- D. Chen lấn, xô đẩy, cười đùa,... gây mất trật tự nơi công cộng.

Câu 3: Ý nghĩa của việc giao tiếp, ứng xử tích cực là

- A. Sự dè bủ, xa lánh của mọi người.
- B. Vui vẻ, hòa đồng với mọi người.
- C. Được mọi người yêu quý, tôn trọng.
- D. Sự khó chịu của mọi người.

Câu 4: Hành vi **không** nên làm khi tham gia các hoạt động cộng đồng để thể hiện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là?

- A. Chủ động giúp đỡ người khác.
- B. Đi muộn, về sớm.
- C. Không tuân thủ quy định chung.
- D. Làm công việc được giao một cách hời hợt.

Câu 5: Hành động thể hiện cách giao tiếp, ứng xử tích cực là

- A. Phân biệt màu da.
- B. Không tôn trọng sở thích của bạn.
- C. Chia bè, chia phái.

D. Đoàn kết tham gia văn nghệ của trường, lớp.

Câu 6: Hành vi nào dưới đây **không** phải sử dụng ngôn ngữ tích cực?

- A. Ngôn ngữ cục cằn, thô lỗ.
- B. Ngôn ngữ chuẩn mực.
- C. Ngữ điệu, âm lượng phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.
- D. Không cười nói quá to nơi công cộng.

Câu 7: Hành vi nào dưới đây **không** phải sử dụng phi ngôn ngữ chưa tích cực?

- A. Cử chỉ không phù hợp khi giao tiếp.
- B. Biểu cảm gương mặt thái quá.
- C. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp, cử chỉ niềm nở.
- D. Có những hành động, cử chỉ không chuẩn mực.

Câu 8: Cách khắc phục khi nói quá to là

- A. Nói to ở nơi công cộng như công viên, bảo tàng.
- B. Điều chỉnh âm lượng đủ người nghe phù hợp với không gian giao tiếp.
- C. Nói lí nhí ở nơi không gian mở.
- D. Nói lớn tiếng với người lớn tuổi.

Câu 9: Cách khắc phục gương mặt không biểu cảm khi nói là

- A. Nhìn vào gương luyện tập khẩu hình và thể hiện cảm xúc khi nói.
- B. Bắt chước thái độ cau có của người khác và thể hiện biểu cảm.
- C. Điều chỉnh âm lượng và biểu cảm nóng giận khi giao tiếp.
- D. Luôn thể hiện gương mặt tươi cười trong mọi hoàn cảnh.

Câu 10: Cách khắc phục khi thiếu kiểm soát trong giao tiếp, ứng xử là

- A. Xem hướng dẫn biện pháp điều chỉnh, cân bằng cảm xúc nhưng không thực hiện.
- B. Không lắng nghe đóng góp, ý kiến từ người khác.
- C. Không khắc phục, sửa sai về hành vi thiếu kiểm soát.
- D. Sử dụng một số biện pháp điều chỉnh, cân bằng cảm xúc trong giao tiếp, ứng xử.

Câu 11: Cho biết cách ứng xử, giao tiếp trong bức tranh dưới đây?

- A. Chen lấn, xô đẩy.
- B. Xếp hàng ngay ngắn khi lên xe buýt.
- C. Nói chuyện lớn tiếng.
- D. Cử chỉ làm tổn thương người khác.

Câu 12: Cho biết cách ứng xử, giao tiếp trong bức tranh dưới đây?

- A. Chen lấn, xô đẩy.
- B. Xếp hàng ngay ngắn khi lên xe buýt.
- C. Nhường ghế cho người già.
- D. Cử chỉ làm tổn thương người khác.

Câu 13: Điều **không** phải là hành vi ứng xử, giao tiếp tích cực khi đi bảo tàng?

- A. Không chạm vào hiện vật.
- B. Đi nhẹ, nói khẽ.
- C. Nô đùa, chạy nhảy.
- D. Không hút thuốc trong khu trưng bày.

3. VẬN DỤNG (5 CÂU)

Câu 1: Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong tình huống sau: “*Do công việc làm ăn của bố mẹ nên gia đình Phong phải chuyển đến sống ở một địa phương khác. Phải rời xa ngôi trường cũ và những người bạn đã từng gắn bó suốt mấy năm học, Phong thấy rất buồn và lo lắng. Tuy vậy, bạn đã chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới, đặc biệt là về những yêu cầu của nhà trường đối với học sinh. Sau khi được phân vào lớp, Phong đã chủ động làm quen với các bạn trong tổ, trong lớp và nhờ các bạn hướng dẫn, giúp đỡ mình trong học tập và các hoạt động. Phong cũng mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể của lớp, của trường và xung phong nhận những nhiệm vụ phù hợp với sở thích, khả năng để nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới*”.

- A. Phong chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới.
- B. Phong không làm quen với các bạn mới trong lớp.
- C. Phong thấy buồn và lo lắng.
- D. Phong chưa hòa đồng, chưa tích cực tham gia các hoạt động của trường, lớp.

Câu 2: Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong tình huống sau: “Gần đây, bố Hiền phải chuyển công tác xa nhà. Việc bố vắng nhà khiến cuộc sống của gia đình Hiền bị xáo trộn. Hiền đã chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em, làm việc nhà mà vẫn đảm bảo việc học của bản thân”.

- A. Hiền cùng em chơi điện tử, không quan tâm lời mẹ nói.
- B. Hiền chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em, làm việc nhà.
- C. Hiền không giúp đỡ bố mẹ chăm em.
- D. Hiền chủ động thời gian để giúp mẹ chăm em nhưng kết quả học tập của bản thân bị giảm sút.

Câu 3: Cho biết điểm tích cực trong tình huống sau: “T xin phép bố đi chơi với các bạn vào cuối tuần nhưng bố không đồng ý vì đã lâu ông bà ở quê mới có dịp lên chơi. T đã thể hiện thái độ khó chịu và không nói chuyện với bố. Sau khi được chị gái trò chuyện, phân tích, T đã hiểu. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà”.

- A. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà.
- B. T quyết định đi chơi với các bạn vào cuối tuần.
- C. Sau khi lắng nghe trò chuyện với chị gái, T đi chơi với các bạn.
- D. T không nghe lời bố, tự ý quyết định đi chơi với các bạn.

Câu 4: Em hãy nhận xét về hành vi của Hùng trong tình huống sau: “Hùng đi dạo trên phố và gặp một người nước ngoài có làn da nâu với mái tóc xoăn. Hùng đã đùa cợt và chỉ trỏ vị khách đó”.

- A. Hùng thiếu tôn trọng người khác.
- B. Hùng hành xử có văn hóa.
- C. Hùng tôn trọng với người khác.
- D. Hùng hành xử như thể là đúng.

Câu 5: Quan sát tình huống sau: “Trong một cuộc thảo luận, Hoàng và Huy đã tranh cãi nhau vì bất đồng quan điểm. Hồng nghe thấy thì khuyên mọi người nên hòa giải và lắng nghe nhau còn Hương thì nói rằng cứ để mọi người cãi nhau xem ai là người thắng”. Em hãy cho biết ai là người có cách ứng xử, giao tiếp tích cực?

- A. Huy.
- B. Hoàng.
- C. Hương.
- D. Hồng.

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Câu ca dao, tục ngữ nói về cách ứng xử trong văn hóa giao tiếp của người Việt là

- A. Một chữ cũng là thầy/Nửa chữ cũng là thầy.
- B. Uống nước nhớ nguồn.
- C. Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/Người khôn nói tiếng dịu dàng, dễ nghe.
- D. Treo đầu dê, bán thịt chó.

Câu 2: Vấn nạn hiện nay của học sinh trên mạng xã hội là

- A. Tra cứu thông tin để học bài.
- B. Chia sẻ những thông tin bổ ích tới mọi người.
- C. Kêu gọi mọi người ứng xử chuẩn mực trên mạng xã hội.
- D. Sử dụng ngôn ngữ không đúng chuẩn mực, lăng mạ, xúc phạm người khác.